

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-PT.

Ngày: 09/12/2019.

V/v : “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết-Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 21/11 và 09/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2019/TLPT- HNGĐ ngày 12/9/2019 về việc: "ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2019/HNGĐ - ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2019 QĐ-PT ngày 23/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019 QĐ-PT ngày 09/10/2019; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 400/TB-PT ngày 14/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019 QĐ-PT ngày 01/11/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/2019/QĐ-PT ngày 21/11/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Vi Thị H-** Sinh năm 1978. Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Người đại diện theo ủy quyền giải quyết về tài sản của nguyên đơn: ông **Vi Hoài T** - Sinh năm 1959, trú quán: thôn Bản H, xã K huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

* Bị đơn: Anh **Leo Văn T1** - Sinh năm 1979.

Tên gọi khác: Leo Văn M.

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Leo Văn H1**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang - Do ông Phạm Hồng L - Phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp huyện L đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện tham gia tố tụng.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị: VKSND tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Vi Thị H và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Vi Thị H và anh Leo Văn T1 (tên gọi khác là Leo Văn M) kết hôn với nhau vào tháng 2 năm 1996. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Tuy nhiên chị H và anh T1 không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị H và anh T1 về chung sống cùng nhau ngay ở tại thôn H, xã Q, huyện L. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống cũng như công việc. Chị H cho rằng anh T1 thường xuyên chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, ngoài ra còn nhiều lần đánh đập đe dọa chị làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, chị đã cố gắng khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H và anh T1 có hai con chung là: Leo Văn H1 - Sinh năm 1996; Leo Thị H2 - Sinh năm 1998.

Hiện nay cháu H đã trưởng thành và đã có gia đình riêng. Cháu H2 cũng đã trưởng thành. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được quản lý cháu H2.

Về tài sản chung: Chị H, anh T1 có khối tài sản chung gồm có:

Diện tích đất rộng 2780m² trong đó có 350m² là đất ở và 2430m² là đất vườn. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Leo

Văn T1 (Leo Văn M) Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00821 QSDĐ/264 QĐ - UB (H) ngày 18/6/2001 của Ủy ban nhân dân huyện L. địa chỉ mảnh đất ở thôn H - Q - L - Bắc Giang. Trên đất hiện nay không còn tài sản gì.

Ngoài ra còn có một số tài sản ít giá trị chị H không kê khai không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị H, anh T1 không liên quan vay nợ.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Leo Văn H1 trình bày: Cháu là con trai cả của bố Leo Văn T1 và mẹ Vi Thị H. Hiện nay cháu đã có gia đình riêng. Cháu được biết bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn và muốn bố mẹ về đoàn tụ gia đình. Nếu bố mẹ kiên quyết ly hôn thì cháu không có ý kiến gì.

Cháu không có công sức đóng góp gì vào tài sản của bố mẹ. Trước kia bố cháu ông Leo Văn T1 có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đi thế chấp để lấy tiền, sau đó không có điều kiện trả, cháu đã bỏ số tiền là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn) để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ về. Đến nay số tiền 11.000.000 đồng cháu bỏ ra để chuộc về cháu không yêu cầu gì và đề nghị gì trong vụ án.

Trên mảnh đất chung của bố mẹ vào năm 2017 vợ chồng cháu có trồng 400 cây cam. Tuy nhiên đến nay 400 cây cam này cháu sẽ tự di dời khỏi đi nơi khác. Nay bố mẹ ly hôn cháu không có ý kiến và đề nghị gì về tài sản và không có yêu cầu gì khác.

*Cháu Leo Thị H1 trình bày: Cháu là con của bố Leo Văn T1 và mẹ Vi Thị H. Hiện nay cháu đã học xong phổ thông và đang đi làm. Cháu được biết bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn và muốn bố mẹ về đoàn tụ gia đình. Nếu bố mẹ kiên quyết ly hôn thì cháu không có ý kiến gì. Cháu xác định từ nhỏ được bố mẹ nuôi ăn học nên không có công sức đóng góp gì vào tài sản của bố mẹ. Nay bố mẹ ly hôn cháu không có ý kiến gì và không yêu cầu gì về tài sản của bố mẹ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện L do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với việc giải quyết ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Leo Văn T1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết theo thẩm quyền. Đối với toàn bộ diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Leo Văn M đã được Ủy ban nhân dân huyện thực hiện theo đúng trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, xác định đây là tài sản chung của chị H anh T1 đề nghị

Tòa án huyện L căn cứ vào quy định pháp luật chia tài sản chung cho vợ chồng chị H anh T1.

Đối với diện tích đất sau khi thẩm định, định giá tăng thêm 460m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Phần diện tích tăng thêm này có thể do trong quá trình sử dụng đất chị H anh T1 có sự mua bán đổi chác thêm với các hộ liền kề hoặc có thể do trong quá trình kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị H anh T1 không kê khai hết số diện tích đất. Vì vậy dẫn tới có sự chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích tăng thêm này, chị H anh T1 đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề, không thuộc quy hoạch đất quốc phòng an ninh các dự án phát triển kinh tế xã hội....Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho các đương sự sử dụng. Sau này, chị H anh T1 hoàn thiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn đề nghị định giá tài sản. Ngày 10/4/2019, Hội đồng định giá tài sản đã tiến hành định giá tài sản.

Một thửa đất có diện tích 2780m² ở thôn H - Q - L - Bắc Giang gồm 350m² đất ở và 2430m² đất vườn. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00821/QSDĐ/264/QĐ-UB(H). Mảnh đất này sau khi thẩm định có diện tích thực tế là 3240m².

Hội đồng định giá thống nhất 3/3 định giá đất như sau:

Đất ở có giá 778.000 đồng/m² x 350m² = 272.300.000 đồng; đất vườn có giá 222.000 đồng/m² x 2890m² = 641.580.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: **913.880.000 đồng.**

Ngoài ra trên đất còn có: 01 nhà cấp 4(30,96m²); 01 nhà bếp(15m²); 01 nhà tắm(4,6m²); 01 khu chăn nuôi(21,73m²); 01 tường vành lao(82,35m²); 05 cây táo; 02 cây nhãn; 01 cây xoài; 01 cây xanh; 01 cây khế; 01 cây vải; 400 cây cam mới trồng. Toàn bộ số tài sản này ông Vi Hoài T (là người được ủy quyền của chị Vi Thị H) và cháu Leo Văn H1 không đề nghị định giá và không đề nghị tòa án giải quyết số tài sản này.

* Tại phiên tòa sơ thẩm chị H và anh T1 vắng mặt. Chị H đã ủy quyền cho ông Vi Hoài T thay mặt chị để giải quyết về phần tài sản.

- Về tài sản chung: Ông Vi Hoài T đề nghị Tòa án chia tài sản chung của chị H, anh T gồm: Toàn bộ diện tích đất có diện tích thực tế là 3240m². Trong đó có đất ở, đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất dôi dư chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T đề nghị Tòa án giao cho chị H quản lý và sử dụng phần đất có nhà và công trình phụ giáp với

đường bê tông liên thôn. Giao cho anh T1 quản lý sử dụng phần đất không có nhà và giáp với đất của anh Leo Văn N.

-Về công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Leo Văn H1 trình bày: Đối với số tiền cháu đã bỏ ra để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ số cây cam trồng trên đất của bố mẹ. Cháu không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 40/2019/HNGĐ - ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280- Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 53; Điều 59; Điều 61; Điều 62-Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị H.

1. Không công nhận chị Vi Thị H và anh Leo Văn T1 là vợ chồng.
2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung:

- Giao cho chị Vi Thị H được quản lý, sử dụng 1555m² đất trong đó có 175m² đất ở và 1150m² đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 260m² đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ diện tích đất ở tại thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trên đất có 01 cây vải, tường vành lao. Trị giá mảnh đất là 442.510.000 đồng.

- Giao cho anh Leo Văn T1 (Leo Văn M) được quản lý, sử dụng 1685m² đất trong đó có 175m² đất ở, 1280m² đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 260m² đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ diện tích đất ở tại thôn H, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trên đất có 01 nhà cấp 4; 01 nhà bếp; 01 nhà tắm; 01 khu chăn nuôi; tường vành lao; 05 cây táo; 02 cây nhãn; 01 cây xoài; 01 cây xanh; 01 cây khế; Trị giá mảnh đất là 478.030.000 đồng.

- Đường ranh giới phân chia đất được xác định như sau: Phần đất chị Vi Thị H được quản lý, sử dụng: Phía Tây giáp đường đất và giáp đất ông Leo Văn N lấy làm điểm A. Từ điểm A kéo một đường chạy dọc theo đường đất theo hướng Tây sang Đông dọc theo đất ông N đến điểm B. Từ điểm A đến điểm B có chiều dài

67.8m. Từ điểm B kéo một đường thẳng theo hướng Nam Bắc dọc theo đất ông N đến điểm C từ điểm B đến điểm C có chiều dài 8.6m. Từ điểm C kéo một đường thẳng theo hướng Tây Đông chạy theo dọc theo đất của ông N đến điểm D giáp với nương có chiều dài 21.2m. Từ điểm D kéo một đường thẳng theo hướng lên phía Bắc dọc theo nương nước đến điểm E có chiều dài 16m. Từ điểm E kéo một đường thẳng theo hướng Đông Tây đến điểm F giáp với đường đất có chiều dài 80 m. Từ điểm F kéo theo đường đất đến điểm A dọc đường đất theo hướng Đông Tây đến điểm A có chiều dài 12,9m.

Phần đất anh Leo Văn T1 được giao quản lý, sử dụng: Từ điểm F giáp đất chị H được chia kéo một đường thẳng dọc theo đường đất lên hướng Bắc giáp với đường bê tông đến điểm G có chiều 38,1m. Từ điểm G kéo một đường thẳng chạy dọc theo đường bê tông theo hướng Tây sang Đông giáp đến nương nước làm điểm H có chiều dài 54.7m. Từ điểm H kéo một đường thẳng dọc theo nương nước đến điểm E giáp phần đất chị H được chia có chiều dài 20.8m.

Đường ranh giới phân chia đất giữa chị H và anh T1 là một đường thẳng nối từ điểm E đến điểm F có chiều dài 80 m. (có sơ đồ kèm theo).

4. Về công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 21.700.400 đồng án phí chia tài sản. Xác nhận chị H đã nộp 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003473 ngày 17/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị H còn phải nộp tiếp 1.400.000 đồng. Anh Leo Văn T1 phải chịu 23.121.200 đồng án phí chia tài sản. Anh T1 chưa nộp án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 09/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 13/QĐKNPT – VKS – DS ngày 09/7/2019 đối với bản án sơ thẩm số 40/2019/HNGĐ - ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/HNGĐ-ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang phần giải quyết phân chia tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và khắc phục những thiếu sót tồn tại.

* Tại quá trình xét xử phúc thẩm, chị Vi Thị H, anh Leo Văn T1 vắng mặt, chị H không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; Đại diện Viện kiểm sát không rút nội dung kháng nghị.

Ông Vi Hoài T trình bày: Chị H là con gái ông, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2016 theo hợp đồng với Công ty VMC có trụ sở tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B. Thời điểm nộp đơn ly hôn 16/7/2018 là chị H về nghỉ phép, sau khi nộp đơn xong thì đầu tháng 8/2018 chị H lại sang Đài Loan tiếp tục làm việc.

Việc giải quyết vụ án chị H ủy quyền cho ông đại diện phân chia tài sản. Giấy ủy quyền lập khi chị H đã sang Đài Loan nên gia đình chụp văn bản ủy quyền bằng điện thoại gửi qua mạng xã hội, chị H in ra và ký sau đó gửi về Việt Nam cho tôi lên UBND xã xin xác nhận ngày 15/7/2019.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng nghị: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng nghị. Căn cứ tình tiết phát sinh tại quá trình xét xử phúc thẩm việc thụ lý vụ án của TAND huyện L là không đúng thẩm quyền, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) áp dụng khoản 3, Điều 308; Điều 310- Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), hủy bản án sơ thẩm. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Bắc Giang.

Về án phí phúc thẩm của vụ án: Các đương sự không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của kháng nghị: kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang được ban hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là đúng thời hạn quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt; chị H, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX thấy những người này đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Anh T1, anh H1 vắng mặt không lý do. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

[3]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, HĐXX thấy:

[3.1]. Về xác định tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị H ủy quyền cho ông T thay mặt chị giải quyết về phần tài sản. Nhưng tại phần ghi danh sách người tham gia tố tụng của bản án Tòa án chỉ ghi là chị H ủy quyền cho ông T và tại phần nhận định của bản án Tòa án nhận định là chị H ủy quyền cho ông T mà không xác định rõ là chị H ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng để giải quyết

về phần tài sản là xác định không cụ thể tư cách tham gia tố tụng của ông T. Vì bản án Tòa án giải quyết cả mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T1, theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự đối với việc ly hôn đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng.

HĐXX thấy: Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2]. Về nội dung bản án sơ thẩm xác định sai số diện tích đất vườn chưa được cấp giấy CNQSDĐ giao cho anh T1 nên Tòa án đã xác định sai giá trị tài sản anh T1 được chia và giải quyết sai số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh T1 phải chịu đối với giá trị tài sản được hưởng.

HĐXX thấy: Chị H anh T1 đã được cấp giấy CNQSDĐ diện tích 2.780m² đất gồm 350m² đất ở và 2.430m² đất vườn. Diện tích đất thực tế là 3.240m², tăng 460m² đất vườn so với giấy CNQSDĐ đã được cấp. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao cho chị H 1.555m² đất (nhưng lại xác định gồm 175m² đất ở và 1.150m² đất vườn đã được cấp giấy CNQSDĐ, 260m² đất vườn chưa được cấp giấy CNQSDĐ). Giao cho anh T 1.685m² đất (gồm 175m² đất ở, 1.280m² đất vườn đã được cấp giấy CNQSDĐ, 260m² đất vườn chưa được cấp giấy CNQSDĐ). Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai diện tích đất vườn chưa được cấp giấy CNQSDĐ giao cho chị H, anh T1 (sai số tổng cộng 60m²). Trong trường hợp này diện tích đất vườn giao cho chị H, anh T1 mỗi người được hưởng là 230m². Từ việc xác định diện tích không đúng dẫn đến giá trị tài sản các đương sự được hưởng không đúng và tính án phí không đúng.

Nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.3]. Về nội dung sơ đồ thửa đất ban hành kèm theo bản án không thể hiện có ghi ký hiệu các điểm mốc giới là không phù hợp với bản án đã tuyên. HĐXX thấy: Tại phần quyết định của bản án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vị trí, kích thước, ký hiệu các điểm mốc giới phần diện tích đất chia cho chị H, anh T1. Tuy nhiên sơ đồ kèm theo bản án không ghi đầy đủ các ký hiệu, mốc giới là có thiếu sót, cần chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3.4]. Về nội dung: Tòa án không xác định rõ số cây cam này trồng trên phần diện tích đất chia cho chị H hay cho anh T1 và tuyên buộc anh H1 phải di dời cây khi người có quyền sử dụng đất yêu cầu là không giải quyết triệt để các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án, gây khó khăn cho việc thi hành án sau này.

HĐXX thấy: Anh H1 là con trai của chị H, anh T1, là người đang trực tiếp trông nom, quản lý, sử dụng diện tích đất của chị H, anh T1 được Tòa án giải quyết phân chia cho chị H, anh T1. Trên đất có tài sản là 400 cây cam của anh H1. Vì vậy việc tuyên buộc cụ thể rõ ràng số cây cam trên đất và buộc Anh H1 phải di dời cây đi nơi khác là cần thiết, triệt để, đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

[5]. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có tồn tại vi phạm sau: Quá trình giải quyết vụ án ông Vi Hoài T (người đại diện cho nguyên đơn) khai : Chị H là con gái ông, chị

H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2016 theo hợp đồng với Công ty VMC có trụ sở tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B. Thời điểm nộp đơn ly hôn 16/7/2018 là chị H về nghỉ phép, sau khi nộp đơn xong thì đầu tháng 8/2018 chị H lại sang Đài Loan tiếp tục làm việc. Việc giải quyết vụ án chị H ủy quyền cho ông đại diện phân chia tài sản. Giấy ủy quyền lập khi chị H đã sang Đài Loan nên gia đình chụp văn bản ủy quyền gửi bằng điện thoại qua mạng xã hội, chị H in ra và ký sau đó gửi về Việt Nam cho Ông T lên UBND xã xin xác nhận ngày 15/7/2019. Quá trình giải quyết chị H có đi về Việt Nam vài lần. Tòa án đã xác minh và tại công văn số 19358/QLXNC-P5 ngày 28/11/2019 Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an có quan điểm chị Vi Thị H xuất cảnh ngày 12/01/2016, nhập cảnh ngày 03/7/2018, xuất cảnh ngày 2/8/2018, nhập cảnh ngày 07/6/2019 và xuất cảnh ngày 14/6/2019 qua sân bay quốc tế Nội Bài. Như vậy lời trình bày của ông T là phù hợp với tài liệu chứng cứ xác minh. Việc Tòa án nhân dân huyện L thụ lý đơn khởi kiện giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là không đúng thẩm quyền.

Tuy nhiên quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi trong việc này do đương sự không cung cấp đầy đủ thông tin về việc nguyên đơn đang lao động, cư trú tại nước ngoài.

[6]. Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy nội dung kháng nghị và quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 3, Điều 308; Điều 310- BLTTDS: Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 40/2019/HNGĐ - ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[7]. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8]. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3, Điều 308; Điều 310- BLTTDS.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 13/QĐKNPT – VKS – DS ngày 09/7/2019 của VKSND tỉnh Bắc Giang.

Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 40/2019/HNGĐ - ST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

